TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-05-2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005. Do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên đến ngày 19/3/2007, anh chị mới đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 3/2024 đến nay, vợ chồng chị chung ở trong một nhà nhưng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên); Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị L. Từ năm 2019 đến nay, chị L chuyển công tác về huyện Hà Trung, nhưng thường xuyên bỏ đi (có khi đi cả tuần) không rõ lý do. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong việc mua bán nhà sàn. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn với lý do là hiện nay vợ chồng anh chị đang còn nhiều khoản nợ nần chưa giải quyết xong; việc ly hôn ảnh hưởng xấu đến con cái.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên); Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015. Như chị L đã trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được, khi ly hôn anh yêu cầu Toà án giao cháu C cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh và chị L có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hiện nay anh và chị L đang sở hữu, sử dụng; và công nợ chung của anh và chị L đang vay nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam. Trường hợp vợ chồng không tự thoả thuận, phân Ca được, anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Chế Thôn, xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nơi chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Mạnh H cư trú:

- Về hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận, đến khoảng tháng 3/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay, tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

- Về điều kiện nuôi con: Chị L và anh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên), Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015. Hiện nay, các cháu đều đang ở cùng với vợ chồng chị L ở thôn Chế Thôn, xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Điều kiện sinh sống và học tập của cháu ổn định, bình thường. Chị L, anh H đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và đều có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Công đoàn Trường tiểu T nơi chị Hoàng Thị L làm việc:

- Về hôn nhân: Chị L tự nguyện kết hôn với anh H và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Anh, chị đăng ký thường trú tại thôn Chế Thôn, xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Thời gian gần đây, Công đoàn Trường tiểu học Lĩnh Toại cũng nắm được thông tin vợ chồng chị L xảy ra mâu thuẫn, xung đột và Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đang thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình của anh chị theo đơn khởi kiện của chị L. Với trách nhiệm của mình, Chủ tịch Công đoàn cũng đã nhiều lần gợi ý để tham gia hòa giải mâu thuẫn vợ chồng cho chị L, anh H, nhưng chị L không Ca sẻ và cũng không có đề xuất gì với Công đoàn nên Công đoàn không thể can thiệp vào việc gia đình chị L được.

- Về điều kiện nuôi con: Chị L và anh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên), Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015. Hiện nay, các cháu đều đang ở cùng với vợ chồng chị L ở thôn Chế Thôn, xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Điều kiện sinh sống và học tập của cháu ổn định, bình thường. Chị L, anh H đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và đều có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Linh C: Khi chị L và anh H ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh H.

- Về con chung: Giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Anh Nguyễn Mạnh H là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2007 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị L nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, vợ chồng anh chị tuy đang ở chung một nhà, nhưng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai; chị L đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Lời khai của chị L phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị L, anh H; và nơi làm việc của chị L về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, sau khi hoà giải lần thứ nhất, chị L đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải nữa.

[2.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị L, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của các đương sự; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị L, anh H; và nơi làm việc của chị L; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh H đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên); Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015. Xét nguyện vọng của chị L, anh H về việc trực tiếp nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự, việc giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu C, đồng thời cũng phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; và việc chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/8/2006 (đã thành niên); Nguyễn Linh C, sinh ngày 09/11/2015 là các con chung của chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Mạnh H. Giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu số: 0003673 ngày 24/10/2024. Công nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh